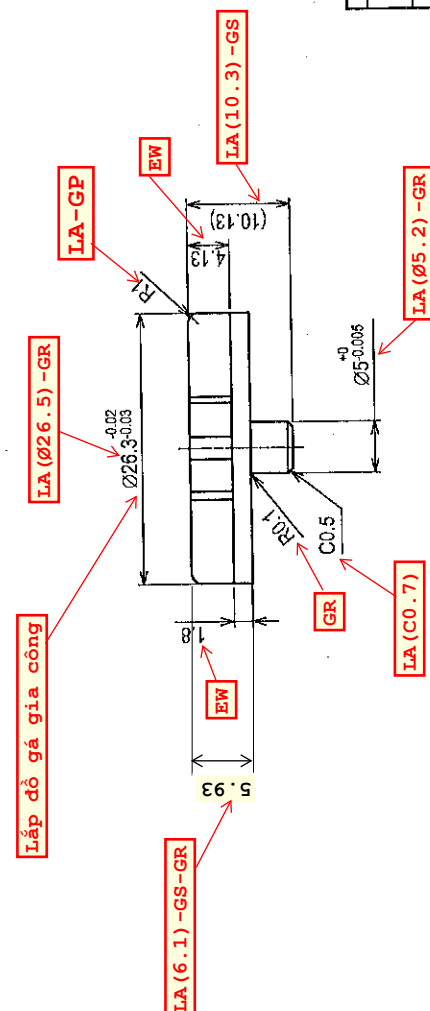
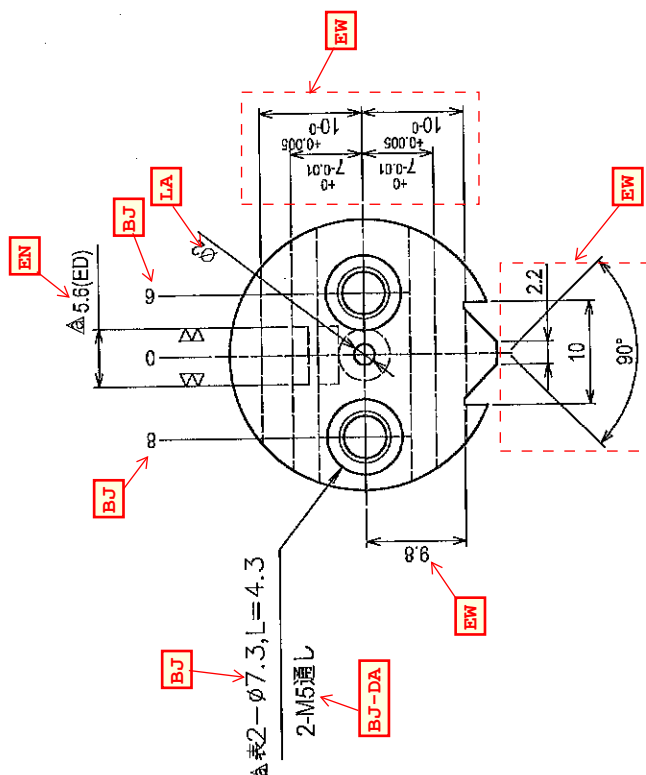
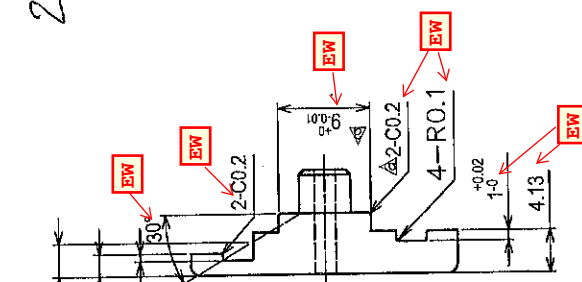


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.						$0.5 \leq \cdot \leq 6$ ± 0.1
A/	2015/05/12	配合 R08532 吋 英 第五 圖面等號新換標書	YDA13-055-03	Peng, Wei, Dan	Long, Chang, Shi	$6 < \cdot \leq 30$ ± 0.2
						$30 < \cdot \leq 120$ ± 0.3
						$120 < \cdot \leq 400$ ± 0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED ARE AS SHOWN

FINISH MARKS	G	ED	
--------------	---	----	--

213 201 165 A

28



DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
K. Hihara	Y. Takahashi	部品図		タイ押え
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		DIE HOLDING-DOWN
HRC 60° ~ 62°		部品図		下模廻件
MATERIAL	DATE	SCALE		下模圧件
SKD11	2011/01/20	2:1		DWG.No.
				R006533

030 720

7/12

4 1 4 2 0 2 0 0 1 6

SNO: **R006533**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø30*20	LA:40 BJ:20 DA:10 HT:40 GS:30 GR:40 GP:30 EW:90 EN:30 KT